

NGUYỄN CHUNG CHIẾN (Thích Tuệ Sĩ)*
HOÀNG THỊ THƠ**

KINH PHÁP CÚ MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG

Tóm tắt: Bài viết tập trung giới thiệu Kinh Pháp Cú - một kinh điển nguyên thủy của Phật giáo và ngày càng phổ biến, giúp chúng ta có thể hiểu hơn về nội dung và giá trị tư tưởng Phật giáo Nam tông (Theravada), cũng như có cái nhìn toàn diện hơn về sự đa dạng môn phái, giá trị kinh điển của cả Bắc tông (Mahayana) và Nam tông (Theravada) ở Việt Nam hiện nay. Bài viết này sẽ triển khai một số nội dung sau: Giới thiệu chung về Kinh Pháp Cú; Nội dung cơ bản trong Kinh Pháp Cú; Một số giá trị tư tưởng của Kinh Pháp Cú.

Từ khóa: Kinh Pháp Cú (Dhammapada); Tam tạng kinh Nam tông; Vô ngã; Khuynh hướng vô thần; Bình đẳng; Tự giác.

Dẫn nhập

Kinh Pháp Cú là một trong những kinh điển nguyên thủy của Phật giáo, trong đó chứa đựng nhiều giá trị tư tưởng (Phật học, triết học). Nhưng hiện nay *Kinh Pháp Cú* đang ngày càng được phổ biến rộng rãi cùng với sự phát triển Phật giáo rộng khắp trong bối cảnh đa dạng hóa và toàn cầu hóa tôn giáo. Đối với Phật giáo Việt Nam, *Kinh Pháp Cú* là nền tảng giáo lý phổ quát để hiểu đúng về tư tưởng Phật giáo Nam tông nói riêng, cũng như hiểu hơn về giá trị và ý nghĩa của các tông phái Phật giáo trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam hôm nay. Hơn nữa, đây cũng là cơ sở để có cái nhìn toàn diện về sự đa dạng trong thống nhất của tất cả các môn phái, kinh điển (cả Bắc tông và Nam tông) của Phật giáo nói chung. Từ

* Khoa triết học, Học viện Khoa học xã hội.

** Viện triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 08/10/2019; Ngày biên tập: 10/01/2020; Duyệt đăng: 07/02/2020.

năm 1981, sau khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, nhu cầu truyền bá, nghiên cứu *Kinh Pháp Cú* cũng phát triển rộng hơn. Bài viết này kế thừa nhiều nghiên cứu đi trước để một lần nữa cùng giới thiệu *Kinh Pháp Cú* và căn cứ theo bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu trong bản dịch với tiêu đề *Lời Phật dạy (Kinh Pháp Cú - Dhammapada)* xuất bản năm 2015 để trích dẫn.

1. Giới thiệu chung về *Kinh Pháp Cú*

1.1. Tên gọi và xuất xứ *Kinh Pháp Cú*

Tên gọi *Kinh Pháp Cú* (Pali: *Dhammapada*; Skrt: *Dharmapada*; Trung phon thê: 法句經; giản thê: 法句经) là do Phật Âm (Buddha Ghosa¹) đặt tên từ khoảng thế kỷ V. Tuy nhiên, không phải ngay từ đầu đã có tên gọi là *Kinh Pháp Cú*. Trước đó, còn nhiều cách gọi khác, như: *Đàm Bát*, *Pháp Tích*, *Lời Vàng*, *Lời Phật Dạy*, *Pháp Cú Tập*, *Pháp Cú Lục*,... Các tên gọi đó đều nhằm khẳng định xuất xứ chính truyền lời của Đức Phật được ghi lại qua 300 buổi thuyết giảng giáo lý suốt 45 năm hoằng pháp của Người.

Về ngữ nghĩa: Trong tiếng Pali “pháp” (Dharma) có nhiều nghĩa: chỉ tất cả mọi sự tồn tại, chỉ tự tính không thay đổi, chỉ mỗi tồn tại đều có tự tính riêng,...; bao gồm cả nghĩa là: tiêu chuẩn, phép tắc, đạo lý, giáo lý, chân lý,... Còn trong kinh điển Phật giáo, *Pháp Cú (Dhammapada)* có nghĩa: *giáo lý chính truyền như con đường dẫn đến giác ngộ chân lý giải thoát*. Chiết tự thì “pháp” (Dharma) có nghĩa là chính pháp, hay giáo lý; chân lý do Đức Phật truyền; “cú” (pada) có nghĩa “lời nói/câu nói” của Đức Phật hướng dẫn tín đồ tiến đến chân lý, đến chính pháp. *Kinh Pháp Cú* là chân lý uyên thâm chứa đựng nhiều nội dung triết học Phật giáo, được trình bày bằng ngôn từ dễ hiểu, chặt chẽ về khả năng tự giác hướng thiện, với tính thuyết phục của triết thuyết “Duyên khởi”, “Vô Ngã” và “Niết Bàn”.

Kinh Pháp Cú được cho là lần đầu định hình ngay sau ba tháng Đức Phật nhập Đại Niết Bàn (Maha-Parinibbana), tức là ngay trong Đại hội kết tập kinh điển lần thứ nhất tại Rajaghrā (477 TCN)². Phái Hữu Bộ cho rằng, các nội dung thâm diệu trong *Kinh, Luật* và *Luận*

đã được sưu tập ngay sau khi Đức Phật nhập diệt, và *Kinh Pháp Cú* bằng ngôn ngữ Ma Kiệt Đà (Magadha) đã có từ đó. Như vậy thì, *Kinh Pháp Cú* bằng văn tự Pali chắc phải muộn hơn, khoảng Đại hội kết tập lần thứ ba, dưới thời vua Asoka (thế kỷ III TCN). Đến thế kỷ V, Phật Âm (Buddhaghosa) đã sưu tập, chú giải và chính thức đặt tên cho kinh này là *Pháp Cú*. Cụ thể là trong phần mở đầu tác phẩm *Chú giải Pháp Cú (Dhammapada-atthakatha)*, Phật Âm cho biết ông đã dịch những lời bình viết bằng tiếng Shinha (tiếng Srilanka cổ) sang tiếng Magadhi (Ma Kiệt Đà, tức tiếng Ấn Độ thời cổ), và đã thêm một vài ghi chú của riêng ông vào bản *Pháp Cú* theo yêu cầu của Hòa thượng Kumarakassapa³. Dựa vào bản Pali này, đã có rất nhiều bản dịch ra chữ Kharosthi, chữ Hybrid Sanscrit, rồi bản dịch chữ Tây Tạng,...

Bản *Kinh Pháp Cú* bằng Pali gọi là bản *Nam Phạn*, bằng Sanskrit gọi là bản *Bắc Phạn*⁴. Như vậy, *Kinh Pháp Cú Nam Phạn* hay *Pháp Cú Bắc Phạn* còn là sự phản ánh kết quả phân chia trong nội Phật giáo thời kỳ Bộ phái của Phật giáo (tiền Đại thừa) ở Ấn Độ do nhu cầu sử dụng kinh điển Phật giáo mỗi phái mà nên⁵. Tuy nhiên, đó không phải sự tái biên tự do, mà đều theo nguyên tắc bảo tồn giá trị chính truyền của kinh gốc, dù ngôn ngữ sử dụng có thay đổi tùy theo nhánh phái Phật giáo.

Trong hệ thống Tam tạng Nam truyền Phật giáo hôm nay, kinh *Pháp Cú* thuộc Tiểu Bộ (*Khuddaka Nikaya*) và đứng thứ hai trong danh sách 15 kinh. Xin xem bảng Tam tạng Nam truyền⁶ dưới đây:



1.2. Sự truyền bá Kinh Pháp Cú và các dịch phẩm

Truyền bá *Kinh Pháp Cú* lúc đầu gắn liền với sự truyền bá và hoàn thiện *Kinh tạng Pali* của Phật giáo Nguyên thủy. Sự xuất hiện thêm nhiều tông phái, bộ phái trong thời kỳ Bộ phái không chỉ đi cùng sự xuất hiện nhiều bộ Tạng kinh, mà còn dẫn đến thứ tự của *Kinh Pháp Cú* trong *Tam tạng* có thể cũng thay đổi, thậm chí có khi cấu trúc trong *kinh Pháp Cú* cũng khác nhau. Mặc dù các bộ phái hầu hết đều có kinh văn bằng tiếng Phạn riêng, nhưng đến nay chỉ còn một bộ *Đại tạng* duy nhất được lưu lại toàn vẹn, đó là *Đại tạng kinh Pali* của Thượng Tọa bộ. Sau đó, theo sự phát triển các thừa (Đại thừa, Kim Cương thừa) là sự xuất hiện các *Đại tạng kinh* bằng tiếng Sanskrit, hoặc tiếng Hán, hoặc tiếng Tây Tạng. Hiện nay, *Đại tạng kinh Đại thừa tiếng Hán* là bản đầy đủ nhất, trong đó chứa đựng cả kinh văn của 18 bộ phái. *Đại tạng kinh tiếng Tây Tạng* ngoài ba loại kinh văn Kinh, Luật và Luận còn thêm bộ *Đát-đặc-la (Tantra)* về mật chú và luận giảng về mật chú. Như vậy, các tông phái Phật giáo dù phát triển theo chiều hướng nào cũng tiếp tục duy trì và bảo tồn và phát huy giá trị của *Kinh Pháp Cú* như kinh điển gốc căn bản nhất của toàn giáo lý Phật giáo.

Về dịch thuật: *kinh Pháp Cú* được đánh giá là một bộ kinh gốc phổ cập nhất, được truyền bá rộng nhất và đã được dịch ra hầu hết các ngôn ngữ quan trọng trên thế giới vì nó được xem "... như là thánh thư của đạo Phật. ... nhiều bài kệ đã trở thành những lời dạy bởi chính Đức Phật thân thuyết, ... chính lời Phật dạy từ hơn 2.000 năm vang lại"⁷. Khi Phật giáo phát triển thành một trong ba tôn giáo lớn của thế giới, thì càng xuất hiện nhiều bản dịch *Kinh Pháp Cú* bằng nhiều ngôn ngữ trên thế giới, như: Hán, Anh, Pháp, Đức, Nhật... Riêng các bản dịch Anh ngữ đã xuất hiện khá sớm và rất phong phú. Xem thống kê dưới đây:

Bảng 1: Các bản dịch và dịch giả Kinh Pháp Cú sang tiếng Anh

Stt	Bản dịch	Dịch giả
1	<i>The Footsteps of Religion</i>	Gogerly (1847)

2	<i>The Dhammapada</i>	Max F. Muler (1881, 2016)
3	<i>Collection of Verses on Religion</i>	V. Fausboll (1900)
4	<i>Hymns of the Faith (Dhammapada)</i>	Albert J. Edmunds (1902)
5	<i>The Dhammapada</i>	Edward Irving Babbitt (1936)
6	<i>The Dhammapada</i>	Radhakrishnan (1950)
7	<i>Dhammapada</i>	John Richards (1993)
8	<i>Dhammapada – A Translation</i>	Thanissaro Bhikkhu (1997)
9	<i>The Dhammapada</i>	Thích Nhất Hạnh (2001)
10	<i>The Dhammapada: A New Translation of the Buddhist Classic with Annotations</i>	Gil Fronsdal (2006)
11	<i>Dhammapada</i>	John Ross Carter & Mahinda Palihawadana (2008)
12	<i>The Dhammapada for Awakening: A Commentary on Buddha's Practical Wisdom</i>	Abbot George (2014)

Các bản Hán dịch và chú giải cũng xuất hiện sớm ở Việt Nam và ngày nay căn cứ vào các bản Hán dịch này, ngày càng có nhiều bản Việt dịch và chú giải:

Bảng 2: Các bản dịch và dịch giả *Kinh Pháp Cú* từ Hán ngữ sang Việt ngữ

1.	<i>Pháp Cú Kinh (Hán)</i>	Duy Kỳ Nan (224) đời Ân Ngô ⁸
2.	<i>Pháp Cú Thí Dụ Kinh (Hán)</i>	Pháp Cự và Pháp Lập (209-306) đời Tây Tấn
3.	<i>Xuất Diệu Kinh (Hán)</i>	Tăng Già Bạt Trùng & Trúc Phật Niệm, đời Tống ⁹
4.	<i>Pháp Tập Yếu Tụng Kinh (Hán)</i>	Thiên Túc Tai (180-1000) đời Tống ¹⁰
5.	<i>Kinh Pháp Cú</i>	HT. Thích Trí Đức (1959) ¹¹

6.	<i>Kinh Pháp Cú</i>	Á Nam Trần Tuấn Khải (1963) ¹²
7.	<i>Kinh Pháp Cú</i>	Thích Xán Nhiên (1988)
8.	<i>Kinh Pháp Cú</i>	HT. Thích Minh Châu (1989, 2000) ¹³
9.	<i>Kinh Pháp Cú</i>	HT. Thích Thiện Siêu (1993)
10.	<i>Pháp Cú Thí Dụ</i>	Thích Minh Quang (1994, 2001)
11.	<i>Thi Hóa Pháp Cú Kinh</i>	Tịnh Minh (1995) ¹⁴
12.	<i>Pháp Cú</i>	Minh Đức Triều Tâm Ảnh (1995)
13.	<i>Pháp Cú Thí Dụ</i>	Thích Thiện Phát (1997)
14.	<i>Chú giải Kinh Pháp Cú</i>	Trưởng Lão Pháp Minh (2000, 2013)
15.	<i>Kinh Pháp Cú</i>	Cư sĩ Phạm Kim Khánh (2000) ¹⁵
16.	<i>Trích Truyện Pháp Cú</i>	Viên Chiêu (2000)
17.	<i>Độc Pháp Cú Nam Tông</i>	HT. Thích Trí Quang (2001)
18.	<i>Trích Pháp Cú Nam Tông</i>	HT. Thích Trí Quang (2001)
19.	<i>Pháp Cú</i>	Ngô Tăng Giao (2003)
20.	<i>Pháp Cú</i>	Giác Hạnh (2008)
21.	<i>Lời Phật dạy (Kinh Pháp Cú -Dhammapada)</i>	Thích Thiện Siêu, Thích Minh Châu, Thích Giác Toàn, Phạm Kim Khánh (2014)
22.	<i>Lời Vàng Vi Diệu</i>	HT. Thích Giác Toàn (Trần Quê Hương) (2015)

Đến nay vẫn có khá nhiều các bản dịch và chú giải *Kinh Pháp Cú* chưa được công bố, hoặc chưa chính thức xuất bản, song số lượng bản dịch vừa đề cập ở trên cho thấy thực sự có một nhu cầu lớn về tham cứu và truyền bá *Kinh Pháp Cú* trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

2. Cấu trúc và nội dung cơ bản trong *Kinh Pháp Cú*

2.1. Về cấu trúc của *Kinh Pháp Cú*

Còn có nhiều ý kiến khác nhau về cấu trúc của Kinh Pháp Cú. Theo Pháp Cú (Dharmahata, thế kỷ I TCN), *Pháp Cú* có 39 phẩm (vagas), 759 kệ (gatha); còn theo Tăng già Bạt Trường và Trúc Phật Niệm (năm 398) thì *Pháp Cú* có 3 phần với 1.000 bài kệ. Ngoài ra, theo một số bản không đầy đủ khai quật được ở Khố Xa, Đôn Hoàng, Trung Quốc thì chúng lại có kết cấu khác¹⁶. Mỗi bản lại có mục lục với số phẩm và số kệ khác nhau. Về sau, để có sự thống nhất, các bản dịch và chú giải muộn hơn đều tham khảo bản Pali của Phật Âm (Buddha Gosha), coi đó như là bản *Kinh Pháp Cú* chuẩn. Hiện nay, Phật giáo Việt Nam (cả Nam tông và Bắc tông) đều thống nhất thừa nhận cấu trúc 26 phẩm với 423 câu kệ sau:

1. Phẩm Song Yêu	(Yamakavagga)	20 kệ
2. Phẩm Không Buông Lung	(Appamàdavagga)	12 kệ
3. Phẩm Tâm	(Cittavagga)	11 kệ
4. Phẩm Hoa	(Pupphavagga)	16 kệ
5. Phẩm Ngu	(Bàlavagga)	16 kệ
6. Phẩm Hiền Trí	(Panditavagga)	14 kệ
7. Phẩm A La Hán	(Arahantavagga)	10 kệ
8. Phẩm Ngàn	(Sahassavagga)	16 kệ
9. Phẩm Ác	(Pāpavagga)	13 kệ
10. Phẩm Dao Trượng	(Dandavagga)	17 kệ
11. Phẩm Gia	(Jarāvagga)	11 kệ
12. Phẩm Tự Ngã	(Attavagga)	10 kệ
13. Phẩm Thế Gian	(Lokavagga)	12 kệ
14. Phẩm Phật Đà	(Buddhavagga)	18 kệ
15. Phẩm An Lạc	(Sukhavagga)	12 kệ
16. Phẩm Hỷ Ái	(Piyavagga)	12 kệ
17. Phẩm Phẫn Nộ	(Kodhavagga)	14 kệ
18. Phẩm Cấu Uế	(Malavagga)	21 kệ
19. Phẩm Pháp Trụ	(Dhammatthavagga)	17 kệ
20. Phẩm Đạo	(Maggavagga)	17 kệ
21. Phẩm Tạp	(Pakinnakavagga)	16 kệ
22. Phẩm Địa Ngục	(Nirayavagga)	14 kệ
23. Phẩm Voi	(Nāgavagga)	14 kệ
24. Phẩm Ái Dục	(Tanhāvagga)	26 kệ
25. Phẩm Tỳ Kheo	(Bhikkhuvagga)	23 kệ
26. Phẩm Bà La Môn	(Brāhmanavagga)	41 kệ ¹⁷

2.2. Về nội dung

Kinh Pháp Cú có thể chia thành 6 phần như sau:

Phần I: Giới thiệu chung, gồm 5 phẩm (1-5) phân tích rõ những yếu tố căn bản quyết định khả năng con người tự làm chủ số mệnh của chính mình và những yêu cầu cơ bản trong quá trình tự giác tu dưỡng; đồng thời vạch rõ cái được của người có tu Phật và cái hại của người không tu Phật.

Phần II: Về phẩm chất của người đã giác ngộ gồm 5 phẩm (6-10), khẳng định rằng, người đã “đến được bờ bên kia” được gọi là bậc Hiền trí hay bậc A La Hán, tức là người chiến thắng được chính bản thân mình. Ở đây, Phật giáo khẳng định khổ nghiệp chính là hình thức tự trả nghiệp ác do chính mình đã gây ra.

Phần III: Về Tứ Diệu Đế gồm 6 phẩm (11-16). Đây là nội dung cốt lõi của toàn bộ giáo lý Phật giáo. *Khổ đế* là định nghĩa đầy đủ về Khổ, tập hợp các khổ nghiệp tất yếu không tránh khỏi của đời người. Song một khi giác ngộ được “dục” là căn nguyên đầu tiên của khổ là do chính mình còn chấp hữu ngã một cách sai lầm, thì sẽ tỉnh giác và chỉ còn mong (dục) diệt dục, mong (dục) thoát dục giống chư Phật và chư Thiên. Hết dục (thậm chí không còn mong) thì sẽ thoát khổ, tới an lạc.

Phần IV: Về Vô Ngã gồm 4 phẩm (17-20) đi sâu phân tích nguồn gốc của đau khổ là từ chấp Ngã (Ngã mạn), mà sinh các thói tật Ái, Ó, Hỷ, Nộ, Tham, Sân, Si,... nên gây nghiệp và chuốc khổ không thoát ra khỏi vòng Luân hồi; đồng thời phân tích rõ sức mạnh vốn tự có của mỗi người khi hiểu Tứ Diệu Đế, thực hành Bát Chính Đạo, Thập nhị nhân duyên sẽ có thể tự diệt bỏ, buông xả được hết Ngã mạn một cách khả thi.

Phần V: Về 6 loại chính niệm gồm 4 phẩm (21-24), nêu rõ khả năng tự điều phục thân-tâm (thân, khẩu, ý) bằng thiền định không chỉ dành cho nhà tu hành, mà cho cả tín đồ để tự thoát nghiệp ác đã tạo và tích nghiệp thiện trên con đường tự giác tu dưỡng tới giải thoát.

Phần VI: Kết luận gồm 2 phẩm (25-26), nêu định nghĩa về Tỳ kheo của Phật giáo trong so sánh với Balamôn của Balamôn giáo¹⁸; Khẳng định tiến bộ của Phật giáo về: (1) Bình đẳng giai cấp, bác bỏ xuất thân dòng tộc của Balamôn giáo; (2) Bình đẳng giới, Phật giáo có Tỳ kheo nữ (có Ni đoàn); và khẳng định tư tưởng khoan dung và khoan dung tôn giáo của Phật giáo với đức *Nhĩn ba la mật*.

Phần Kết luận này một lần nữa khẳng định Phật giáo là một tôn giáo tiên bộ, vượt trước so với các tôn giáo đương thời, nhất là so với Balamôn giáo chính thống. Phật giáo tiến bộ đã đáp ứng được những vấn đề nan giải đang cản trở sự phát triển của xã hội Ấn Độ đương thời nên nó có sức thuyết phục và sức lan tỏa rất lớn.

3. Giá trị tư tưởng của *Kinh Pháp Cú*

Kinh Pháp Cú có nội dung phản ánh những triết lý nhân văn sâu sắc của văn hóa Ấn Độ cổ mà Đức Phật đã tổng hợp, kế thừa và phát triển tiếp thành các học thuyết độc đáo về *Vô thường*, *Nghiệp quả* gắn liền với chủ đề có tính truyền thống của tư duy Ấn Độ cổ như *Con người*, *Kiếp người*, *Giải thoát*, *Niết Bàn*, v.v... Nhưng chúng được Đức Phật đặc biệt triển khai theo triết lý *Vô ngã* (PC: 148-150, 277-279) với lập trường bình đẳng, khoan dung (về niềm tin tôn giáo), và xu hướng vô thần (hoặc giản/giảm/giải thần quyền) có ý nghĩa tiến bộ vượt thời đại.

Nội dung triết học-tôn giáo trong *Kinh Pháp Cú* đã giải đáp một cách hệ thống các vấn đề: khổ, giác ngộ, nhân phẩm, đạo đức, và giải thoát,... đang nóng ở Ấn Độ đương thời. Niềm tin mới mẻ và tiên bộ trong *Kinh Pháp Cú* với chủ trương không có đáng tối cao nào có thể quyết định sự đau khổ hay giải thoát của mỗi người; đồng thời không phủ định các thuyết về linh hồn con người là bất tử... nhằm phá bỏ uy quyền tuyệt đối (thần quyền) của Balamôn giáo đương thời. *Kinh Pháp Cú* đặt niềm tin rõ ràng vào khả năng tự giác tỉnh tấn tu tập của chính mỗi người để tự giải thoát mà không dựa nhờ vào lễ nghi cầu xin thần linh hay đáng tối cao nào. Đây là điểm tiến bộ, khác hẳn với Balamôn giáo, được thể hiện rõ trong *Kinh Pháp Cú* như sau:

“Tự mình y chỉ mình, Nào có y chỉ khác. Nhờ khéo điều phục mình, Được y chỉ khó được” (PC: 160);

“Điều ác tự mình làm, Tự mình sanh, mình tạo” (PC: 161);

“Tự mình, điều ác làm, Tự mình làm nhiễm ô, Tự mình ác không làm, Tự mình làm thanh tịnh. Tịnh, không tịnh tự mình, Không ai thanh tịnh ai !” (PC: 165);

“Tự mình y chỉ mình, Tự mình đi đến mình, Vậy hãy tự điều phục” (PC: 380).

Kinh Pháp Cú còn khẳng định việc tự giác soi rọi vào chính mình, tự kiểm tra, tự điều phục và tự chiến thắng nhược điểm của bản thân là khó nhất, song cũng là vinh quang nhất, và so sánh tự chiến thắng bản thân còn khó hơn cả chiến thắng kẻ địch ở nơi chiến trường:

Dầu tại bãi chiến trường

Thắng ngàn ngàn quân địch,

Tự thắng mình tốt hơn,

Thật chiến thắng tối thượng. (PC: 103)

Đến nay, nguyên tắc tự giác mà Đức Phật tổng kết trong *Kinh Pháp Cú* vẫn còn nguyên giá trị. Tư tưởng đạo đức nhân văn có tính nền tảng này giúp Phật giáo lan tỏa không chỉ đối với người tu hành (tăng, ni Phật giáo), mà với tất cả những người tìm kiếm đạo đức hướng thiện một cách tự giác, tự thân để thoát khổ, không phân biệt đẳng cấp nào, trình độ nào.

Kinh Pháp Cú còn chứa đựng những nội dung về lịch sử Phật giáo Nguyên thủy, như: tông phái, môn pháp Phật giáo, lần đầu thành lập tăng đoàn; lần đầu chuyển pháp luân,...

Cho dù Phật giáo hôm nay đa dạng hóa và hiện đại hóa tới đâu, song *Kinh Pháp Cú* vẫn là một trong những kinh điển gốc làm cơ sở để trở về với những chuẩn mực cơ bản của Phật giáo, như: *Khổ đế* (PC: 24, phẩm 11, PC: 202-203); *Tập đế* (PC: 212-216); *Diệt đế* (PC: 180-181, 183, 191-192, phẩm 15, PC: 236, 238, 250, 282-285,

337-338, 348, 350, 351-354, 360 -362); *Đạo đế* (phẩm 7, 20, 26 (PC: 385-388, 396-423), PC: 368-378).

Hòa thượng Thích Minh Châu khi dịch *Kinh Pháp Cú* cũng đề lại những cảm nhận tâm huyết, khẳng định giá trị chân truyền quý báu của Đức Phật: “Mỗi bài kệ là một nguồn cảm hứng cao đẹp, một lối đi mới lạ, một sức mạnh kỳ diệu giúp chúng ta có một niềm tin vững chắc hơn trên con đường tu học để tiến đến giác ngộ, giải thoát” và đánh giá rất cao về giá trị tâm linh của *Kinh Pháp Cú*: “*Kinh Pháp Cú* này... đã chứa đựng rất đầy đủ những giáo lý căn bản nguyên thủy của đạo Phật. Hơn tất cả, ...kinh này gồm toàn những lời dạy của Đức Phật và lời dạy của Ngài bao giờ cũng đem hạnh phúc và an lạc cho mọi loài và mọi người”¹⁹.

Hòa thượng Thích Giác Toàn²⁰ có nhận định chung, “*Kinh Pháp Cú* là một trong những bộ kinh nổi tiếng nhất của Kinh tạng Thượng Tọa Bộ (Theravada) và ngày càng được phổ biến trong giới học Phật trên toàn thế giới”²¹, và Hòa thượng còn nhấn mạnh ý nghĩa tinh thần phổ quát của bộ Kinh: “*Kinh Pháp Cú* là một thánh điển mang bức thông điệp vượt thời gian, với hy vọng và niềm hoan hạnh phúc cho những người chán nản, buồn bã; một bức thông điệp đầy trí tuệ cho người vô minh; một bức thông điệp cảnh báo cho những người không cảnh giác, ý thức; một bức thông điệp hướng dẫn cho những con người mang đầy tội lỗi ý thức về những hành động đã phạm phải, và một bức thông điệp với sự trân trọng và khích lệ đối với những ai đã và đang bước đi trên con đường chân chính đưa đến Niết Bàn”²².

Thích Nữ Nguyệt Chiêu còn nhấn mạnh thêm về giá trị vững bền, bất hủ của *Kinh Pháp Cú*: “*Kinh Pháp Cú* là một bộ kinh rất xưa, được xem là *kinh Lời Vàng* cho những ai có chí nguyện tu tâm, dưỡng tính để tiến thân trên lộ trình hành đạo giải thoát”²³. Ni sư còn khẳng định đó là kinh điển bất hủ không chỉ cho người xuất gia mà cho cả người tại gia, vì kinh này là kho tàng sâu kín để người đã am hiểu giáo lý thâm sâu tiếp tục khám phá để phát triển Phật giáo trong mọi giai đoạn, mọi thời kỳ.

Đối với xã hội, ý nghĩa giáo dục của *Kinh Pháp Cú* đã vượt ra ngoài khuôn khổ một bộ kinh của một tôn giáo, vì tư tưởng đạo đức, nhân văn, trí tuệ của nó đã góp phần nâng cao giá trị đạo đức xã hội, đạo đức dân tộc và đạo đức truyền thống. Những giải đáp triết học-đạo đức-tôn giáo của Phật giáo qua *Kinh Pháp Cú* vẫn có giá trị phổ quát nhất định khi Phật giáo vẫn được coi là một tôn giáo truyền thống của người Việt Nam, và Phật giáo Việt Nam vẫn không ngừng khẳng định vai trò tôn giáo dân tộc ở Việt Nam.

Các giá trị đạo đức và giải thoát cho con người cá nhân của *Kinh Pháp Cú* vẫn còn nguyên ý nghĩa và tầm quan trọng đối với chiến lược xây dựng và phát triển Phật giáo Việt Nam trong quá trình kết hợp với nhu cầu phát triển bền vững của con người Việt Nam, đặc biệt là những định hướng tu dưỡng về đạo đức, trí tuệ và niềm tin hướng đến an lạc và hạnh phúc của con người một cách bình đẳng và có khuynh hướng vô thần.

Kết luận

Kinh Pháp Cú đã trở thành một thánh thư không thể thiếu trong mọi học phái Phật giáo, vượt lên trên tất cả các quan điểm riêng biệt, tạo thành tính cơ bản và thống nhất trong hướng đích con đường tu tập đến giải thoát của toàn bộ tu sĩ và tín đồ Phật giáo. Tại các nước theo Phật giáo Nam Tông, như: Sri Lanka, Myanmar, Thailand, Laos, Campuchia... các vị tu sĩ, người mới tu học và người có cấp bậc cao đều thuộc lòng kinh này. Phật giáo Bắc tông (Mahayana), như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, v.v.. đều chú trọng dịch, chú giải, nghiên cứu và đọc tụng *Kinh Pháp Cú* như trở về nguồn cội tư tưởng của đức Phật Tổ, và coi đó như một cơ sở để góp phần xác định tính chính truyền Phật giáo, Phật học khi cần xem xét các môn phái mới cũng như các cách giải quyết vấn đề mới. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Phật Âm (Buddhaghosa, khoảng thế kỷ IV) là một đại luận sư của Thượng tọa bộ, Phật giáo Nam tông (Theravada) với các tác phẩm nổi tiếng đã được dịch sang tiếng Việt, như: *Chú giải kinh Pháp Cú*, do Thiền sư Pháp Minh dịch. Nxb TP. Hồ Chí Minh (1998), *Thanh Tịnh Đạo* (2 tập, trọn bộ, 2001), do Bhadantacariya Buddhaghosa biên soạn. Người dịch: Thích Nữ Trí Hải. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- 2 Tham khảo: *Kinh Pháp Cú (Dhammapada Sutta - The Path of Truth)* (1998). Bản dịch Anh ngữ của Tỳ kheo Khantipalo, và bản dịch Việt ngữ của Hòa thượng Thích Minh Châu; Link: thuvienhoasen.org/.../kinh-phap-cu-gioi-thieu-binh-an.
- 3 Xem: Bimala Charan Law (2005), *Trưởng lão Buddhaghosa - Nhà chú giải kinh điển Pali*. Người biên dịch: Tỳ Khuru Siêu Minh. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 117.
- 4 Cổ ngữ của Ấn Độ được phân thành *Nam Phạn* là tiếng Pali và *Bắc Phạn* tức tiếng Sanskrit. Ngôn ngữ văn bản mà Nam tông thường dùng là Pali, còn Bắc tông lại thường dùng Sanskrit.
- 5 Kinh văn Pali được phân chia thành ba thời kỳ: *Thời kỳ đầu*, cũng được gọi là thời kỳ cổ điển, bắt đầu từ khi có *Tam tạng kinh* cho đến khoảng thế kỷ I TCN với *Mi-Tiên vấn đáp* thuộc Luận tạng; *Thời kỳ thứ hai*, từ thế kỷ I TCN đến thế kỷ IV SCN, chủ yếu là *Tam tạng Pali*, kéo dài đến thế kỷ IV, nổi bật vai trò hệ thống kinh điển của đại sư Buddhaghosa (Phật Âm). *Thời kỳ thứ ba*, từ thế kỷ IV trở đi, kinh điển Phật giáo Nam tông gắn liền với những biến đổi Phật giáo và chính trị ở Myanmar. [Tham khảo: *Kinh điển Phật giáo*. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia]
- 6 *Lịch Sử Kết Tập Kinh Điển - Bình Anson Minh Họa Bằng Biểu Đồ Và Hình Ảnh*, link: lichsukettapkinhdien-01-content.
- 7 Thích Thiện Siêu, Thích Minh Châu, Thích Giác Toàn, Phạm Kim Khánh (2014), *Lời Phật dạy (Kinh Pháp Cú)*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, tr. 15.
- 8 Bản này do Duy Kỳ Nan (người Thiên Trúc, năm thứ ba đời Hoàng Vũ đến Vũ Xương) dịch *Kinh Pháp Cú* sang Hán theo bản gốc Sanskrit do ngài Pháp Cứu người Ấn Độ (thế kỷ I TCN) tuyển chọn. Xem *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*. ĐTK 210 tờ 559 a1 - 575 b10.
- 9 Tăng Già Bạt Trừng & Trúc Phật Niệm dịch kinh này sang tiếng Hán khoảng năm 398.
- 10 Thích Huệ Quang (2013), *Giá Trị Thẩm Mỹ Trong Kinh Pháp Cú*, Nguồn: www.budsas.org/uni/u-kinh-phapcu-ev/dhp-hq01.htm.
- 11 Được dịch từ bản Hán văn của Pháp Sư Liễu Tham (từ Pali sang Hán). Bản này được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1959 và đến nay được tái bản nhiều lần.
- 12 Được dịch từ bản Anh-Hán Đối Chiếu Hòa dịch 1963 của soạn giả Thường Ban Đại Định.
- 13 Được dịch từ bản Pali, được trường Cao cấp Phật học Việt Nam ấn hành 1989, nay là Học Viện Phật giáo Việt Nam.

- 14 Được dịch từ bản tiếng Anh (1990) của Đ.Đ. Narada.
- 15 Được dịch từ Pàli-Anh (1971) của Đ.Đ. Narada.
- 16 Thích Thiện Siêu, Thích Minh Châu, Thích Giác Toàn, Phạm Kim Khánh (2014), *Lời Phật dạy (Kinh Pháp Cú)*, Sđd. tr. 17-18.
- 17 Thích Thiện Siêu, Thích Minh Châu, Thích Giác Toàn, Phạm Kim Khánh (2014), *Lời Phật dạy (Kinh Pháp Cú)*, Sđd. tr. 603-604.
- 18 Balamôn giáo cũng chính là Ấn Độ giáo và Hindu giáo, như là một tôn giáo trong quá trình phát triển, hiện đại hóa và chuyển đổi cách gọi theo các mục đích khác nhau. Xem thêm: Hoàng Thị Thơ (2016), “Hindu giáo - Một quan hệ “ba trong một” với Veda giáo và Bà La Môn giáo”, *Triết học*, số 6, tr. 58.
- 19 *Kinh Pháp Cú*, Người dịch: HT Thích Minh Châu. Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2000, tr. 162.
- 20 Hòa thượng Thích Giác Toàn hiện là Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam kiêm Trưởng ban Tài chính Trung ương - Thường trực lãnh đạo Hệ phái Khất sĩ - Trụ trì Tịnh xá Trung Tâm quận Bình Thạnh. Hòa thượng còn là Phó Hiệu trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời là Phó Tổng biên tập Báo Giác Ngộ.
- 21 Thích Giác Toàn (2015), *Lời vàng vi diệu*. Link: <https://www.facebook.com/media/set/>
- 22 *Kinh Pháp Cú (Dhammapada Sutta - The Path of Truth)* (1998) Bản dịch Anh ngữ của Tỳ kheo Khantipalo, và bản dịch Việt ngữ của Hòa thượng Thích Minh Châu, thuvienhoasen.org/.../kinh-phap-cu-gioi-thieu-binh-an
- 23 Thích Nữ Nguyệt Chiếu (2013) *Nghiên cứu so sánh văn bản kinh Pháp Cú chữ Hán và chữ Pali*. hoavouu.com/.../nghiien-cuu-so-sanh-van-ban-kinh-phap-cu-chu-h

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bimala Charan Law (2005), *Trưởng lão Buddhagoshā - Nhà chú giải kinh điển Pali*. Người biên dịch: Tỳ Khưu Siêu Minh. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Thích Nữ Nguyệt Chiếu (2013), *Nghiên cứu so sánh văn bản kinh Pháp Cú chữ Hán và chữ Pali*. Nguồn: hoavouu.com/.../nghiien-cuu-so-sanh-van-ban-kinh-phap-cu-chu-h
3. *Chú giải kinh Pháp Cú*, Thiền sư Pháp Minh dịch, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 1998.
4. *Kinh Pháp Cú*, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2000.
5. *Kinh Pháp Cú (Dhammapada Sutta - The Path of Truth)*, 1998. Bản dịch Anh ngữ của Tỳ kheo Khantipalo, và bản dịch Việt ngữ của Hòa thượng Thích Minh Châu; Link: thuvienhoasen.org/.../kinh-phap-cu-gioi-thieu-binh-an.
6. *Lịch Sử Kết Tập Kinh Điển - Bình Anson Minh Họa Bằng Biểu Đồ Và Hình Ảnh*, link: lichsukettapkinhdien-01-content.
7. Thích Huệ Quang (2013), *Giá Trị Thẩm Mỹ Trong Kinh Pháp Cú*, Nguồn: www.budsas.org/uni/u-kinh-phapcu-ev/dhp-hq01.htm.

8. Thích Thiện Siêu, Thích Minh Châu, Thích Giác Toàn, Phạm Kim Khánh (2014), *Lời Phật dạy (Kinh Pháp Cú)*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
9. Thích Giác Toàn (2015), *Lời vàng vi diệu*. Nguồn: <https://www.facebook.com/media/set/>
10. *Thanh Tịnh Đạo* (2 tập-trọn bộ, 2001), do Bhadantacariya Buddhaghosa biên soạn. Người dịch: Thích Nữ Trí Hải, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
11. Hoàng Thị Thơ (2016), “Hindu giáo - Mối quan hệ “ba trong một” với Veda giáo và Bà La Môn giáo”, *Triết học*, số 6.

Abstract

THE DHAMMAPADA: CONTENTS AND ITS VALUE OF THOUGHT

Nguyen Chung Chien (Thich Tue Si)

Faculty of Philosophy, GASS

Hoang Thi Tho

Institute of Philosophy, VASS

This paper shows the *Dhammapada* - an original scripture of Buddhism and it has gradually popularized. It helps to more understand the value of Theravada Buddhist thought as well as a more comprehensive view of the sectarian diversity and the scriptures' values of Mahayana and Theravada of contemporary Buddhism in Vietnam. This article focuses on the following contents: General introduction of Dhammapada; its basic content and values of thought.

Keywords: Dhammapada; Tripitaka; Anattā; Atheist tendency; Equality.